

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I - MỤC TIÊU CỦA MÔN TIẾNG VIỆT Ở LỚP 3

1. Chương trình Tiểu học mới xác định mục tiêu của môn Tiếng Việt ở bậc Tiểu học là :

a) Hình thành và phát triển ở học sinh (HS) các kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi.

Thông qua việc dạy và học tiếng Việt, góp phần rèn luyện các thao tác của tư duy.

b) Cung cấp cho HS những kiến thức sơ giản về tiếng Việt và những hiểu biết sơ giản về xã hội, tự nhiên và con người, về văn hoá, văn học của Việt Nam và nước ngoài.

c) Bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Ở lớp 3, mục tiêu nói trên được cụ thể hoá thành những yêu cầu về kiến thức và kĩ năng đối với HS như sau :

a) *Nghe*

– Nghe – hiểu được nội dung chính trong lời nói của người đối thoại ; ý kiến thảo luận trong các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đội.

– Nghe – hiểu được nội dung chính của các tin tức, quảng cáo, các bài phổ biến khoa học,...

– Nghe – hiểu và kể lại được nội dung các mẩu chuyện ngắn, biết nhận xét về nhân vật trong các câu chuyện.

b) *Nói*

– Biết dùng lời nói phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp trong sinh hoạt gia đình, trong các cuộc họp Đội, họp lớp và các hình thức sinh hoạt khác ở nhà trường.

– Biết giới thiệu các thành viên, các hoạt động của tổ, của lớp... ; biết kể lại một câu chuyện đã nghe, đã đọc.

c) *Đọc*

– Đọc đúng, rõ ràng, rành mạch các đoạn đối thoại, các văn bản nghệ thuật, hành chính, báo chí,...

- Đọc thầm có tốc độ nhanh hơn ở lớp 2.
- Nắm được ý chính của đoạn văn, biết đặt câu hỏi cho đoạn văn, biết nhận xét về một số hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc.

- Thuộc lòng một số bài văn vần trong sách giáo khoa (SGK).

d) *Viết*

- Viết đúng, nhanh các kiểu chữ thường và chữ hoa cỡ nhỏ.
- Viết đúng chính tả, rõ ràng, đều nét những đoạn văn ngắn theo các hình thức nghe - viết và nhớ - viết ; biết viết tên người, tên địa lí nước ngoài ; biết phát hiện và sửa được một số lỗi chính tả.

- Biết viết đơn, viết tờ khai theo mẫu, viết một bức thư ngắn để báo tin tức, để hỏi thăm người thân, tập trình bày phong bì thư hoặc kể lại một việc đã làm, biết kể lại nội dung một bức tranh đã xem, một văn bản đã học.

e) *Kiến thức tiếng Việt và văn học* (không có tiết học riêng, chỉ giúp HS làm quen thông qua các bài tập rèn luyện kĩ năng) :

- Ghi nhớ các quy tắc chính tả, đặc biệt là quy tắc viết tên người, tên địa lí Việt Nam và nước ngoài.

- Học thêm khoảng 400 - 450 từ ngữ ; tiếp tục học một số thành ngữ, tục ngữ và yếu tố Hán Việt thông dụng ; bước đầu biết giải nghĩa các từ ngữ trong bài ; nhận ra được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá.

- Củng cố hiểu biết về danh từ, động từ, tính từ ; cách dùng một số từ nối, một số kiểu câu và một số dấu câu.

II - ĐẶC ĐIỂM CỦA SÁCH TIẾNG VIỆT 3

A - NHỮNG ĐIỂM GIỐNG SÁCH TIẾNG VIỆT 2

1. Quan điểm dạy giao tiếp

Nhằm thực hiện mục tiêu "hình thành và phát triển ở HS các kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết), để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi", SGK *Tiếng Việt 3* tiếp tục lấy nguyên tắc dạy giao tiếp làm định hướng cơ bản. Quan điểm dạy giao tiếp được thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và phương pháp dạy học.

Về nội dung, *Tiếng Việt 3* dạy HS các kĩ năng làm việc và giao tiếp cộng đồng như viết thư, làm đơn, điền vào những giấy tờ cần thiết, phát biểu và điều khiển cuộc họp, giới thiệu hoạt động của tập thể, làm báo cáo,...

Về phương pháp dạy học, các kĩ năng nói trên được dạy thông qua nhiều bài tập mang tính tình huống, phù hợp với những tình huống giao tiếp tự nhiên.

Cũng như bộ SGK Tiếng Việt tiểu học cải cách giáo dục cũ, bộ SGK Tiếng Việt mới tổ chức rèn luyện kĩ năng sử dụng tiếng Việt cho HS thông qua

các phân môn Tập đọc, Từ ngữ – Ngữ pháp (Luyện từ và câu), Chính tả, Tập viết, Kể chuyện và Tập làm văn.

Phân môn *Tập đọc* rèn cho HS các kĩ năng đọc (đọc thành tiếng, đọc – hiểu), nghe và nói. Bên cạnh đó, thông qua hệ thống bài đọc theo chủ điểm và những câu hỏi, những bài tập khai thác nội dung bài đọc, phân môn Tập đọc cung cấp cho HS những hiểu biết về thiên nhiên, xã hội và con người, cung cấp vốn từ, cách diễn đạt, những hiểu biết về tác phẩm văn học (như đề tài, cốt truyện, nhân vật,...) và góp phần rèn luyện nhân cách cho HS.

Phân môn *Từ ngữ – Ngữ pháp*, được gọi bằng tên mới là *Luyện từ và câu*, cung cấp những kiến thức sơ giản về tiếng Việt bằng con đường quy nạp và rèn luyện kĩ năng dùng từ, đặt câu (nói, viết), kĩ năng đọc cho HS.

Phân môn *Chính tả* rèn các kĩ năng viết, nghe và đọc. Trong giờ chính tả, nhiệm vụ của HS là viết một đoạn văn (nhìn – viết, nghe – viết, nhớ – viết) và làm bài tập (BT) chính tả, qua đó rèn luyện các kĩ năng sử dụng ngôn ngữ. Các bài chính tả nhiều khi cũng cung cấp cho HS vốn từ, vốn hiểu biết về các mảng khác nhau của đời sống.

Phân môn *Tập viết* chủ yếu rèn kĩ năng viết chữ.

Phân môn *Kể chuyện* rèn các kĩ năng nói, nghe và đọc. Trong giờ kể chuyện, HS kể lại những câu chuyện phù hợp với chủ điểm mà các em đã học trong bài tập đọc.

Phân môn *Tập làm văn* rèn cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc và viết. Trong giờ Tập làm văn, HS được cung cấp kiến thức về cách làm bài và làm các bài tập (nói, viết) xây dựng các loại văn bản và các bộ phận cấu thành của văn bản. Bên cạnh đó, HS còn tập kể lại những mẩu chuyện được nghe thầy, cô kể trên lớp.

2. Quan điểm tích hợp

Tích hợp nghĩa là tổng hợp trong một đơn vị học, thậm chí một tiết học hay một bài tập nhiều mảng kiến thức và kĩ năng liên quan với nhau nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục và tiết kiệm thời gian học tập cho người học. Có thể thực hiện tích hợp theo chiều ngang và chiều dọc.

a) Tích hợp theo chiều ngang

Tích hợp theo chiều ngang là tích hợp kiến thức tiếng Việt với các mảng kiến thức về văn học, thiên nhiên, con người và xã hội theo nguyên tắc đồng quy.

Sách *Tiếng Việt 3* thực hiện mục tiêu tích hợp nói trên thông qua hệ thống các chủ điểm học tập. Bằng việc tổ chức hệ thống bài đọc, bài học theo chủ điểm, SGK dẫn dắt HS đi dần vào các lĩnh vực của đời sống, qua đó tăng cường vốn từ và khả năng diễn đạt của các em về nhà trường, gia đình và xã hội, đồng

thời cũng mở cánh cửa cho các em bước vào thế giới xung quanh và soi vào thế giới tâm hồn của chính mình.

Theo quan điểm tích hợp, các phân môn (Tập đọc, Kể chuyện, Chính tả, Tập viết, Luyện từ và câu, Tập làm văn) trước đây ít gắn bó với nhau, nay được tập hợp lại xung quanh trục chủ đề và các bài đọc ; các nhiệm vụ cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng cũng gắn bó chặt chẽ với nhau hơn trước.

b) *Tích hợp theo chiều dọc*

Tích hợp theo chiều dọc nghĩa là tích hợp ở một đơn vị kiến thức và kỹ năng mới với những kiến thức và kỹ năng đã học trước đó theo nguyên tắc đồng tâm (còn gọi là đồng trục hay vòng tròn xoáy tròn ốc). Cụ thể là : kiến thức và kỹ năng mới hình thành bao hàm kiến thức và kỹ năng đã hình thành trước đó, nhưng cao hơn và sâu hơn.

3. Quan điểm tích cực hoá hoạt động học tập của HS

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới chương trình và SGK lần này là đổi mới phương pháp dạy và học. SGK có nhiệm vụ thể hiện và tạo điều kiện để thầy, cô và HS thực hiện phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó thầy, cô đóng vai trò người tổ chức hoạt động của HS ; mỗi HS đều được hoạt động, mỗi HS đều được bộc lộ mình và được phát triển.

Hoạt động của HS được hiểu là :

- Hoạt động giao tiếp giữa GV với HS, giữa HS với nhau.
- Hoạt động phân tích, tổng hợp, thực hành lí thuyết.

Cả hai loại hoạt động trên có thể được tổ chức theo nhiều hình thức khác nhau :

- Làm việc độc lập.
- Làm việc theo nhóm.
- Làm việc theo lớp.

Trong phần lớn các trường hợp, nhất là trong trường hợp câu hỏi, bài tập đề ra đã rất cụ thể, HS được tổ chức làm việc độc lập. Trong trường hợp câu hỏi, BT tương đối trừu tượng hoặc đòi hỏi một sự khái quát nhất định và trong trường hợp nếu làm việc chung theo đơn vị lớp sẽ có ít HS được hoạt động thì làm việc theo nhóm là giải pháp tốt nhất. Hình thức làm việc chung theo đơn vị lớp được áp dụng chủ yếu trong trường hợp GV thực hiện các khâu giới thiệu bài, củng cố bài, nêu những câu hỏi không yêu cầu phải suy nghĩ lâu hoặc để HS trình bày kết quả làm việc.

Hoạt động của GV chủ yếu là :

- Giao việc cho HS :
- + Cho HS trình bày yêu cầu của câu hỏi.
- + Cho HS làm mẫu một phần.

- + Tóm tắt nhiệm vụ, dặn dò HS.
- Kiểm tra HS :
- + Xem HS có làm việc không.
- + Xem HS có hiểu việc phải làm không.
- + Trả lời thắc mắc của HS.
- Tổ chức báo cáo kết quả làm việc :
- + Các hình thức báo cáo
 - Báo cáo trực tiếp với GV.
 - Báo cáo trong nhóm.
 - Báo cáo trước lớp.
- + Các biện pháp báo cáo
 - Bằng miệng / bằng bảng con / bằng bảng lớp / bằng phiếu học tập / bằng giấy.
 - Thi đua giữa các nhóm / trình bày cá nhân (CN).
- Tổ chức đánh giá :
- + Các hình thức đánh giá
 - Tự đánh giá.
 - Đánh giá trong nhóm.
 - Đánh giá trước lớp.
- + Các biện pháp đánh giá
 - Khen, chê (định tính).
 - Cho điểm (định lượng).

4. Cấu trúc chung của sách

Cũng như SGK *Tiếng Việt 2*, SGK *Tiếng Việt 3* được xây dựng theo 2 trục là chủ điểm và kĩ năng, trong đó chủ điểm được lấy làm khung cho cả cuốn sách, còn kĩ năng được lấy làm khung cho từng tuần, từng đơn vị học. *Tiếng Việt 3* gồm 15 đơn vị học, mỗi đơn vị gắn với một chủ điểm, học trong 2 tuần (riêng chủ điểm *Ngôi nhà chung* học trong 3 tuần), cụ thể như sau :

Tập một gồm 8 đơn vị học, với các chủ điểm có tên gọi như sau :

- *Măng non* (thiếu nhi) (tuần 1, 2)
- *Mái ấm* (gia đình) (tuần 3, 4)
- *Tới trường* (trường học) (tuần 5, 6)

- *Cộng đồng* (sống với những người xung quanh ta) (tuần 7, 8)
- *Quê hương* (tuần 10, 11)
- *Bắc – Trung – Nam* (các vùng, miền trên đất nước ta) (tuần 12, 13)
- *Anh em một nhà* (các dân tộc anh em trên đất nước ta) (tuần 14, 15)
- *Thành thị và nông thôn* (sinh hoạt ở đô thị, nông thôn ; công nhân, nông dân) (tuần 16, 17)

Tuần 9 dành để ôn tập giữa học kì I ; tuần 18 – ôn tập cuối học kì I.

Tập hai gồm 7 đơn vị học, với các chủ điểm có tên gọi như sau :

Bảo vệ Tổ quốc (gương chiến đấu xưa nay ; bộ đội, công an, dân quân, tự vệ) (tuần 19, 20)

- *Sáng tạo* (hoạt động khoa học ; trí thức) (tuần 21, 22)

- *Nghệ thuật* (tuần 23, 24)

- *Lễ hội* (tuần 25, 26)

- *Thể thao* (tuần 28, 29)

- *Ngôi nhà chung* (các nước ; một số vấn đề toàn cầu – hoà bình, hữu nghị, hợp tác, bảo vệ môi trường...) (tuần 30, 31, 32)

- *Bầu trời và mặt đất* (các hiện tượng thiên nhiên, vũ trụ ; con người với thiên nhiên, vũ trụ,...) (tuần 33, 34)

Tuần 27 dành để ôn tập giữa học kì II ; tuần 35 – ôn tập cuối học kì II.

5. Chú ý đến tâm lí và nhu cầu giao tiếp của HS các lớp đầu cấp

Để tăng thêm sức hấp dẫn, lôi cuốn HS tham gia các hoạt động học tập, sách *Tiếng Việt 3* áp dụng những biện pháp sau :

- Chọn nhiều văn bản tự sự hơn văn bản miêu tả làm cho HS ham đọc.

- Chú trọng vai trò của kênh hình.

- Chú ý đến tính đa dạng của bài tập để tránh sự đơn điệu, nhàm chán, đồng thời hình thành cách nói, cách nghĩ, cách làm mềm dẻo, linh hoạt ở học sinh. Ví dụ, riêng về chính tả, sách dùng những bài tập kiểu như sau :

+ Chính tả đoạn, bài (viết cả đoạn hay bài văn ngắn), bao gồm :

• Tập chép (nhìn – viết)

• Nghe – viết

• Nhớ – viết

+ Chính tả âm, vần (viết các âm, vần dễ lẫn), bao gồm :

- Điền một kí hiệu vào chỗ trống để hoàn chỉnh một tiếng
- Điền một tiếng vào chỗ trống để hoàn chỉnh một từ
- Điền một kí hiệu, một tiếng hoặc từ vào chỗ trống để hoàn chỉnh một câu thơ, câu văn
- Tìm trong bài đọc những tiếng chứa các âm, vần dễ lẫn
- Tìm ngoài bài đọc những tiếng chứa các âm, vần dễ lẫn
- Dựa vào nghĩa đã cho, tìm các tiếng chứa những âm, vần dễ lẫn.

B - NHỮNG ĐIỂM KHÁC SÁCH TIẾNG VIỆT 2

1. Nội dung các chủ điểm được mở rộng và nâng cao hơn

– Các chủ điểm từ tuần 1 đến tuần 6 là những chủ điểm quen thuộc với HS. Tuy nhiên, nội dung các chủ điểm này được mở rộng và nâng cao hơn so với lớp 2. Cụ thể :

+ Nội dung chủ điểm **Măng non** là sự tổng hợp nội dung các chủ điểm **Em là học sinh** và **Bạn bè** ở sách *Tiếng Việt 2*. Các bài trong chủ điểm **Măng non** gắn các em vào với tổ chức chính trị – xã hội của các em (VD : bài tập đọc *Đơn xin gia nhập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh*, bài tập làm văn nói, viết về *Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh*), với cộng đồng (VD : các bài tập đọc *Cậu bé thông minh*, *Cô giáo tí hon* hay bài tập làm văn viết đơn xin cấp thẻ đọc sách).

+ Nội dung chủ điểm **Mái ấm** vừa trở lại với tình cảm gia đình, công ơn của ông bà, cha mẹ, vừa đề cập trách nhiệm của các em trong gia đình (VD : các bài tập đọc *Chiếc áo len*, *Quạt cho bà ngủ*, *Mẹ vắng nhà ngày bão*, bài chính tả *Chị em* hay bài tập làm văn đánh điện cho bố mẹ).

+ Nội dung chủ điểm **Tới trường** là sự tổng hợp nội dung của các chủ điểm **Thầy cô**, **Nhà trường** đã học ở lớp 2. Nó vừa khắc sâu tình cảm của HS với thầy cô, với mái trường, vừa bồi dưỡng cho HS tính trung thực, ý thức bảo vệ của công (VD : bài tập đọc *Người lính dũng cảm*) và đề cập đến một số hoạt động của các em trên cương vị là thành viên của lớp, của trường, như : hội họp, giúp nhau học tập, tập văn nghệ, trang trí lớp học,... (VD : các bài tập đọc *Cuộc họp của chữ viết*, *Bài tập làm văn ở tuần 5*).

– Các chủ điểm ở những tuần còn lại là hoàn toàn mới đối với HS.

2. Phân bố tiết học có sự thay đổi

Vì ở lớp 3 môn Tiếng Việt chỉ có 9 tiết / tuần, nên sự phân bố tiết học trong mỗi đơn vị học (2 tuần) phải thay đổi, cụ thể như sau :

a) Tuần thứ nhất

– Tập đọc + Kể chuyện (2 tiết) : một truyện kể

- Chính tả (1 tiết)
- Tập đọc (1 tiết) : một văn bản thơ
- Luyện từ và câu (1 tiết)
- Tập viết (1 tiết)
- Tập đọc (1 tiết) : một văn bản thông thường
- Chính tả (1 tiết)
- Tập làm văn (1 tiết)

b) *Tuần thứ hai*

- Tập đọc + Kể chuyện (2 tiết) : một truyện kể
- Chính tả (1 tiết)
- Tập đọc (1 tiết) : một văn bản thơ
- Luyện từ và câu (1 tiết)
- Tập viết (1 tiết)
- Tập đọc (1 tiết) : một văn bản miêu tả
- Chính tả (1 tiết)
- Tập làm văn (1 tiết)

3. Nội dung các phân môn cũng có những thay đổi nhất định cho phù hợp với năng lực của HS lớp 3. Cụ thể :

a) *Tập đọc và Kể chuyện*

- Mỗi tuần vẫn bắt đầu bằng 1 truyện kể, nhưng truyện này chỉ được tập đọc trong 1,5 tiết, dành 0,5 tiết cho HS kể lại câu chuyện mới học.

- Thơ được dạy nhiều hơn (lớp 2 : 1 bài thơ / 2 tuần, lớp 3 : 2 bài thơ / 2 tuần, chưa kể các bài thơ, khổ thơ, câu thơ được dùng làm bài tập luyện từ và câu, chính tả).

b) *Chính tả*

Bớt hình thức tập chép (lớp 2 : 2 tuần / 1 lần, lớp 3 : chỉ còn 4 bài / cả năm, tập trung ở những tuần đầu năm học) ; thêm hình thức rèn luyện mới là nhớ – viết (chính tả trí nhớ).

c) *Tập viết*

Giờ Tập viết vẫn có trọng tâm là giúp HS luyện viết chữ hoa, nhưng yêu cầu cao hơn :

- Lượng bài tập nhiều hơn (ngoài yêu cầu viết tên riêng, còn có yêu cầu viết những câu hoặc chuỗi câu có độ dài trung bình 2 dòng).

- Kiểu bài tập khó hơn (nối nét móc của chữ hoa với nét cong của chữ thường, VD : Ao, Hồ,... ; nối nét cong của chữ hoa với nét cong của chữ thường, VD : Ốc, Đông,...).

d) *Luyện từ và câu*

Nội dung luyện từ và câu ở lớp 3 có hai phần chính là :

– Ôn lại những kiến thức đã học ở lớp 2 :

+ Về từ loại (từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm).

+ Về các kiểu câu (*Ai là gì ? , Ai làm gì ? , Ai thế nào ?*) .

+ Về các thành phần trong câu (trả lời các câu hỏi *Ai ? , Là gì ? , Làm gì ? , Thế nào ? , Ở đâu ? , Bao giờ ? , Như thế nào ? , Bằng gì ? , Vì sao ? , Để làm gì ?*).

– Trang bị những hiểu biết đầu tiên về các biện pháp tu từ so sánh và nhân hoá.

e) *Tập làm văn*

– Tiếp tục đường hướng chung là hình thành và phát triển các kĩ năng giao tiếp cho HS, nhưng so với lớp 2, ở lớp 3, HS được dạy các kĩ năng giao tiếp bậc cao hơn : không phải là các nghi thức lời nói thông thường như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi,... mà là các hoạt động giao tiếp có tính chất chính thức như viết thư, làm đơn, khai giấy tờ, hội họp (tổ chức, xây dựng chương trình, điều khiển và phát biểu trong cuộc họp,...), giới thiệu hoạt động, viết quảng cáo, làm báo cáo,...

– Tăng cường rèn luyện kĩ năng nói thông qua hình thức nghe – kể (trung bình 3 tuần / 1 lần nghe và kể lại một mẩu chuyện – chủ yếu là chuyện vui) và tăng cường các hình thức sinh hoạt tập thể tự nhiên như họp nhóm, họp tổ, giới thiệu tranh ảnh về các cảnh đẹp đất nước cho lớp hoặc tổ nghe,...

III - HƯỚNG DẪN DẠY CÁC PHẦN MÔN TRONG SÁCH TIẾNG VIỆT 3

DẠY TẬP ĐỌC

A - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phát triển các kĩ năng đọc và nghe cho HS, cụ thể là :

a) *Đọc thành tiếng*

– Phát âm đúng.

– Ngắt nghỉ hơi hợp lí.

– Cường độ đọc vừa phải (không đọc quá to hay đọc lí nhí).

– Tốc độ đọc vừa phải (không ê a, ngắt ngứ hay liến thoắng), đạt yêu cầu tối thiểu 70 tiếng/1phút.

b) *Đọc thầm và hiểu nội dung*

– Biết đọc thầm, không mấp máy môi.

– Hiểu được nghĩa của các từ ngữ trong văn cảnh (bài đọc) ; nắm được nội dung các câu, đoạn và ý nghĩa của bài.

– Có khả năng trả lời (nói hoặc viết) đúng các câu hỏi liên quan đến nội dung từng đoạn hay toàn bài đọc, phát biểu ý kiến của bản thân về một nhân vật hoặc một vấn đề trong bài đọc.

c) *Nghe*

– Nghe và nắm được cách đọc đúng các từ ngữ, câu, đoạn, bài.

– Nghe – hiểu các câu hỏi và yêu cầu của thầy, cô.

– Nghe – hiểu và có khả năng nhận xét ý kiến của bạn.

2. Trau dồi vốn tiếng Việt, vốn văn học, phát triển tư duy, mở rộng sự hiểu biết của HS về cuộc sống, cụ thể :

– Làm giàu và tích cực hoá vốn từ, vốn diễn đạt.

– Bồi dưỡng vốn văn học ban đầu, mở rộng hiểu biết về cuộc sống, cung cấp mẫu để hình thành một số kĩ năng phục vụ cho đời sống và việc học tập của bản thân (như điền vào các tờ khai đơn giản, làm đơn, viết thư, phát biểu trong cuộc họp, tổ chức và điều hành cuộc họp, giới thiệu hoạt động của trường, lớp,...).

– Phát triển một số thao tác tư duy cơ bản (phân tích, tổng hợp, phán đoán,...).

3. Bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm và tâm hồn lành mạnh, trong sáng ; tình yêu cái đẹp, cái thiện và thái độ ứng xử đúng mực trong cuộc sống ; hứng thú đọc sách và yêu thích tiếng Việt, cụ thể :

– Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, kính trọng, biết ơn và trách nhiệm đối với ông bà, cha mẹ, thầy cô ; yêu trường lớp ; đoàn kết, giúp đỡ bạn bè ; vị tha, nhân hậu.

– Xây dựng ý thức và năng lực thực hiện những phép xã giao tối thiểu.

– Từ những mẫu chuyện, bài văn, bài thơ hấp dẫn trong SGK, hình thành ham muốn đọc sách, khả năng cảm thụ văn bản văn học, cảm thụ vẻ đẹp của tiếng Việt và tình yêu tiếng Việt.

B - NỘI DUNG DẠY HỌC VÀ CÁC HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

1. Nội dung dạy học

Sách gồm 93 bài tập đọc, trong đó có 30 bài thơ, 63 bài văn xuôi (truyện, văn miêu tả, văn bản khoa học, nghị luận và văn bản thông thường), 18 bài là tác phẩm văn học nước ngoài hoặc có nội dung về nước ngoài và người nước ngoài.

Bám sát các chủ điểm, nội dung tập đọc phản ánh nhiều lĩnh vực khác nhau, từ gia đình, nhà trường, quê hương, các vùng miền và các dân tộc anh em trên đất nước ta đến các hoạt động văn hoá, khoa học, thể thao và các vấn đề lớn của xã hội như bảo vệ hoà bình, phát triển tình hữu nghị, sự hợp tác giữa các dân tộc, bảo vệ môi trường sống, chinh phục vũ trụ,...

2. Các hình thức luyện tập

Có thể nêu một số hình thức luyện tập chính như sau :

a) Luyện đọc từng từ, từng câu, từng đoạn hay cả bài :

- Từng HS đọc.
- Cả nhóm hoặc cả lớp đọc đồng thanh (ĐT).

b) Trả lời câu hỏi :

- Câu hỏi nhằm tái hiện các chi tiết trong bài (câu hỏi tái hiện).
- Câu hỏi nhằm phân tích hoặc khái quát các vấn đề trong bài (câu hỏi suy luận).

C - CÁC BIỆN PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Đọc mẫu

Đọc mẫu (của GV) bao gồm :

- Đọc toàn bài : thường nhằm giới thiệu, gây xúc cảm, tạo hứng thú và tâm thế học đọc cho HS. Căn cứ trình độ HS, GV có thể đọc 1 hoặc 2 lần, theo mục đích đề ra.

- Đọc câu, đoạn : nhằm hướng dẫn, gợi ý hoặc “tạo tình huống” để HS nhận xét, giải thích, tự tìm ra cách đọc... (có thể đọc một vài lần trong quá trình dạy học).

- Đọc từ, cụm từ : nhằm sửa phát âm sai và rèn cách đọc đúng cho HS.

2. Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài và nội dung bài đọc

a) *Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài*

- Những từ ngữ cần tìm hiểu nghĩa.
- + Từ ngữ khó đối với HS được chú giải ở sau bài đọc.
- + Từ ngữ phổ thông mà HS địa phương chưa quen.
- + Từ ngữ đóng vai trò quan trọng để hiểu nội dung bài đọc.

Đối với các từ ngữ còn lại, nếu có HS nào chưa hiểu, GV giải thích riêng cho HS đó hoặc tạo điều kiện để HS khác giải thích giúp, không nhất thiết phải đưa ra giảng chung cho cả lớp.

- Cách hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của từ ngữ.

HS có thể tự tìm hiểu nghĩa của từ ngữ bằng cách đọc phần giải nghĩa trong SGK. Bên cạnh đó, GV cũng có thể dựa vào vốn từ HS đã có để giải nghĩa, giải nghĩa bằng đồ dùng dạy học (hiện vật, tranh vẽ, mô hình,...) hoặc cho HS làm những bài tập nhỏ để nắm nghĩa của từ ngữ. Ví dụ :

- + Tìm từ ngữ đồng nghĩa với từ ngữ cần giải nghĩa.
- + Tìm từ ngữ trái nghĩa với từ ngữ cần giải nghĩa.

+ Miêu tả sự vật, đặc điểm được biểu thị ở từ ngữ cần giải nghĩa (có thể phối hợp với động tác, cử chỉ).

+ Đặt câu với từ ngữ cần giải nghĩa.

Điều cần chú ý là dù giải nghĩa từ ngữ theo cách nào cũng chỉ nên giới hạn trong phạm vi nghĩa cụ thể ở bài đọc, không mở rộng ra những nghĩa khác, nhất là những nghĩa xa lạ với HS lớp 3. Giải nghĩa từ ngữ chỉ là một phần việc rất nhỏ trong giờ Tập đọc. Vì vậy, không nên đưa ra những biện pháp giải nghĩa công kênh vừa gây quá tải, vừa làm mất thời gian luyện đọc của HS.

b) *Hướng dẫn tìm hiểu nội dung bài*

– Phạm vi nội dung cần tìm hiểu

+ Nhân vật (số lượng, tên, đặc điểm), tình tiết của câu chuyện ; nghĩa đen và những nghĩa bóng dễ nhận ra của các câu văn, câu thơ.

+ Ý nghĩa của câu chuyện, của bài văn, bài thơ.

– Cách tìm hiểu nội dung bài đọc

Phương hướng và trình tự tìm hiểu nội dung bài đọc thể hiện ở những câu hỏi và bài tập đặt sau mỗi bài. Đối với HS lớp 3, trước hết, SGK nêu các câu hỏi giúp HS tái hiện nội dung bài đọc (câu hỏi tái hiện), sau đó mới đặt ra những câu hỏi giúp các em nắm được những vấn đề thuộc tầng sâu hơn như ý nghĩa của bài, tính cách nhân vật, thái độ của tác giả (câu hỏi suy luận). Dựa vào hệ thống câu hỏi và bài tập trong SGK, GV tổ chức sao cho mỗi HS đều được làm việc để tự mình nắm được bài.

Tuy nhiên, do yêu cầu hạn chế số chữ ở các câu hỏi cho phù hợp với khả năng đọc của HS lớp 3, SGK chỉ có thể nêu những vấn đề chính cần thảo luận. Để giúp HS hiểu bài, GV cần có thêm những câu hỏi phụ, những yêu cầu, những lời giảng bổ sung.

Sau khi HS nêu ý kiến, GV sơ kết, nhấn mạnh ý chính và ghi bảng (nếu cần).

Trong quá trình tìm hiểu bài, GV cần chú ý rèn cho HS cách trả lời câu hỏi, diễn đạt ý bằng câu văn gọn, rõ.

3. Hướng dẫn đọc và học thuộc lòng

a) *Luyện đọc thành tiếng*

Luyện đọc thành tiếng bao gồm các hình thức : từng HS đọc, một nhóm (cả bàn, cả tổ) đọc ĐT, cả lớp đọc ĐT, một nhóm HS đọc theo phân vai.

Trong việc luyện đọc cho HS, GV cần *biết nghe* HS đọc để có cách rèn luyện thích hợp với từng em và cần khuyến khích HS trong lớp trao đổi, nhận xét về chỗ *được*, chỗ *chưa được* của bạn, nhằm giúp HS rút kinh nghiệm để đọc tốt hơn...

b) *Luyện đọc thầm*

Dựa vào SGK, GV giao nhiệm vụ cụ thể cho HS nhằm định hướng việc đọc – hiểu (Đọc câu, đoạn hay khổ thơ nào ? Đọc để biết, hiểu, nhớ điều gì ?...).

Có đoạn văn (thơ) cần cho HS đọc thắm 2, 3 lượt với tốc độ nhanh dần và từng bước thực hiện các yêu cầu từ dễ đến khó, nhằm rèn luyện kỹ năng đọc – hiểu. Cần khắc phục tình trạng HS đọc thắm một cách hình thức, GV không nắm được kết quả đọc – hiểu của HS để xử lý trong quá trình dạy học.

c) *Luyện học thuộc lòng*

Ở những bài dạy có yêu cầu học thuộc lòng (HTL), GV cần cho HS luyện đọc kỹ hơn. Có thể ghi bảng một số từ làm “điểm tựa” cho HS để nhớ và đọc thuộc, sau đó xoá dần hết “từ điểm tựa” để HS tự nhớ và đọc thuộc toàn bộ ; hoặc tổ chức cuộc thi hay trò chơi luyện HTL một cách nhẹ nhàng gây hứng thú cho HS...

4. Ghi bảng

Nội dung ghi bảng nói chung cần ngắn gọn, súc tích, bảo đảm tính khoa học và tính sư phạm. Hình thức trình bày bảng cần mang tính thẩm mỹ, có tác dụng giáo dục HS. Việc ghi bảng cần được kết hợp nhịp nhàng với tiến trình dạy học nhằm đem lại hiệu quả trực quan tốt nhất.

Dưới đây là 2 mô hình ghi bảng giờ tập đọc để người dạy tham khảo vận dụng :

Thứ... , ngày... tháng... năm... (Ghi chung cho buổi học)

Mô hình 1

TẬP ĐỌC TÊN BÀI

Luyện đọc

- Từ, cụm từ cần luyện đọc.
- Câu, đoạn cần luyện đọc.

Tìm hiểu bài

- Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết nổi bật, cần ghi nhớ.
- Ý chính của đoạn hoặc của khổ thơ, bài cần ghi nhớ.

Mô hình 2

TẬP ĐỌC TÊN BÀI

Phần ghi để lưu giữ

1. Luyện đọc
 2. Tìm hiểu bài
- Từ ngữ, hình ảnh, tình tiết, nhân vật nổi bật.
 - Ý nổi bật cần khắc sâu.

Phần ghi có thể xoá đi

- Từ, cụm từ, câu, đoạn cần luyện đọc.
- Các thông tin xuất hiện trong giờ dạy.
- Bài tập HS làm trên bảng lớp.

D - QUY TRÌNH GIẢNG DẠY

1. Kiểm tra bài cũ

HS đọc bài tập đọc, đọc thuộc lòng bài thơ, đoạn văn hoặc kể lại nội dung câu chuyện đã học ở tiết trước. GV nhận xét và có thể hỏi thêm về nội dung đoạn, bài đã đọc để củng cố kỹ năng đọc – hiểu.

2. Dạy bài mới

a) Giới thiệu bài

b) Luyện đọc

Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động là :

- GV đọc diễn cảm toàn bài.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc, kết hợp giải nghĩa từ.
- + Đọc từng câu

HS nối tiếp nhau đọc từng câu (một hoặc hai lượt). GV sửa lỗi phát âm (nếu có) cho HS.

+ Đọc từng đoạn trước lớp

• Một vài HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn trong bài (một, hai lượt). GV giúp HS đọc đúng.

• GV giúp HS nắm nghĩa các từ mới.

+ Đọc từng đoạn trong nhóm

Từng cặp HS đọc và góp ý cho nhau về cách đọc. GV theo dõi, hướng dẫn các nhóm đọc đúng.

+ Cả lớp đọc ĐT một đoạn hoặc cả bài. (Việc đọc ĐT không áp dụng đối với một số văn bản có nội dung buồn và một số văn bản thông thường)

c) Hướng dẫn tìm hiểu bài

GV hướng dẫn HS đọc thầm và tìm hiểu bài dựa theo câu hỏi, bài tập trong SGK (có thể dẫn dắt, gợi mở, điều chỉnh cho sát với đối tượng HS cụ thể).

d) Luyện đọc lại / học thuộc lòng (nếu SGK yêu cầu)

- GV đọc diễn cảm từng đoạn hoặc cả bài.

- GV lưu ý HS về giọng điệu chung của đoạn hoặc bài, những câu cần chú ý. Đối với lớp 3, đọc diễn cảm chưa phải là yêu cầu bắt buộc. Do đó, tùy thuộc trình độ HS lớp cụ thể, GV có thể xác định mức độ cho phù hợp.

- Từng HS hoặc nhóm HS thi đọc. GV uốn nắn cách đọc cho HS.

- Hướng dẫn HTL (nếu SGK yêu cầu).

e) *Củng cố, dặn dò* (lưu ý về nội dung bài, về cách đọc và cách học bài ở nhà).

Lưu ý : – Bài tập đọc – kể chuyện dạy trong 2 tiết có thể được phân bố thời gian theo cách như sau :

+ 1,5 tiết dành cho dạy Tập đọc.

+ 0,5 tiết dành cho dạy Kể chuyện.

– Các bài tập đọc có thể được dạy theo cách "bổ đọc" hay "bổ ngang". Vì số trang có hạn, SGK *Tiếng Việt 3* biên soạn các bài tập đọc chủ yếu theo cách "bổ đọc" ; chỉ có 2 bài *Trận bóng dưới lòng đường* (tuần 7), *Hai Bà Trưng* (tuần 19) biên soạn theo cách "bổ ngang" : kết hợp luyện đọc và tìm hiểu bài. GV có thể tùy chọn cách dạy thích hợp.

DẠY KỂ CHUYỆN

A - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phát triển kĩ năng nói và nghe cho HS, bao gồm :

a) *Kĩ năng đọc thoai* : kể lại câu chuyện đã học hay đã được nghe theo những mức độ khác nhau.

b) *Kĩ năng đối thoại* : tập dựng lại câu chuyện theo các vai khác nhau, bước đầu biết sử dụng các yếu tố phụ trợ trong giao tiếp (nét mặt, cử chỉ, điệu bộ).

c) *Kĩ năng nghe* : theo dõi được câu chuyện bạn kể để kể tiếp, nêu được ý kiến bổ sung, nhận xét.

2. Củng cố, mở rộng và tích cực hoá vốn từ ngữ, phát triển tư duy hình tượng và tư duy lô gích, nâng cao sự cảm nhận về hiện thực đời sống qua nội dung câu chuyện

3. Bồi dưỡng tình cảm tốt đẹp, trau dồi hứng thú đọc và kể chuyện, đem lại niềm vui tuổi thơ trong hoạt động học tập môn Tiếng Việt

B - NỘI DUNG DẠY HỌC VÀ CÁC HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

1. Nội dung dạy học

– Khác với Chương trình CCGD, 1981, Chương trình tiểu học mới không có SGK riêng cho phân môn Kể chuyện (như các sách *Truyện kể*, *Truyện đọc* trong CCGD). Ở lớp 2 và lớp 3 mới, nội dung kể chuyện chính là những câu chuyện các em vừa học trong bài tập đọc. Ở lớp 4, lớp 5, nội dung kể chuyện có thể là những câu chuyện được nghe thầy cô kể (văn bản truyện in trong SGK, minh hoạ trong SGK), những truyện các em đọc được hay những câu chuyện có thực mà các em được chứng kiến hoặc tham gia, gắn với những chủ điểm nhất định.

– Khác với lớp 2, Chương trình môn Tiếng Việt lớp 3 không có tiết Kể chuyện riêng mà bố trí trong bài tập đọc hai tiết ở đầu mỗi tuần. HS luyện đọc và tìm hiểu bài tập đọc khoảng 1,5 tiết rồi chuyển sang làm các bài tập kể chuyện 0,5 tiết.

Nội dung củng cố, dặn dò ở cuối phần Kể chuyện là chung cho cả Tập đọc – Kể chuyện.

2. Các hình thức luyện tập

SGK *Tiếng Việt 3* có một số kiểu BT rèn luyện kỹ năng kể chuyện như sau :

a) Kể chuyện theo tranh minh hoạ

– Kể theo đúng thứ tự các tranh minh hoạ hay sắp xếp lại tranh minh hoạ cho đúng diễn biến của câu chuyện rồi mới kể.

– Kể một đoạn của câu chuyện hay kể toàn bộ câu chuyện.

– Kể theo lời lẽ trong bài tập đọc, theo lời của một nhân vật hay kể bằng lời của mình.

b) Kể chuyện theo gợi ý bằng lời

– Kể một đoạn của câu chuyện hay kể toàn bộ câu chuyện.

– Kể theo lời lẽ trong bài tập đọc, theo lời của một nhân vật hay kể bằng lời của mình.

c) Tự đặt tên cho các đoạn rồi kể lại :

– Kể một đoạn hay toàn bộ câu chuyện.

– Kể theo lời lẽ trong bài tập đọc, theo lời kể của một nhân vật hay kể bằng lời của mình.

d) Phân vai, dựng lại câu chuyện

C - CÁC BIỆN PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Sử dụng tranh minh hoạ (trong SGK) để gợi mở, hướng dẫn HS kể lại từng đoạn của câu chuyện.

2. Sử dụng câu gợi ý hoặc dàn ý, hướng dẫn HS kể lại câu chuyện.

3. Sử dụng những câu hỏi gợi trí tưởng tượng hoặc gợi nhận xét – cảm nghĩ, hướng dẫn HS tập kể bằng lời của mình.

4. Hướng dẫn HS phân vai, dựng lại câu chuyện theo hình thức đối thoại.

Chú ý

– GV cần tế nhị khi hướng dẫn HS kể chuyện.

+ Nếu có em đang kể bỗng lúng túng vì quên chuyện, GV có thể nhắc một cách nhẹ nhàng để em đó nhớ lại câu chuyện.

+ Nếu có em kể thiếu chính xác, cũng không nên ngắt lời thô bạo. Chỉ nhận xét khi các em đã kể xong.

+ Nên động viên, khuyến khích để các em kể tự nhiên, hồn nhiên, như là đang kể cho anh, chị, em hay bạn bè.

– GV cần quan niệm một cách đúng mức về kể sáng tạo.

Kể chuyện sáng tạo có nhiều mức độ khác nhau, gắn với những kiểu BT khác nhau nhưng bản chất của kể chuyện sáng tạo không phải là kể khác nguyên văn mà là kể tự nhiên như sống với câu chuyện, kể bằng ngôn ngữ, giọng điệu của mình, thể hiện được cảm nhận của mình về câu chuyện đó.

Khi kể tự nhiên, hồn nhiên bằng giọng điệu, cảm xúc của chính mình, HS có thể thêm vào câu chuyện một số câu chữ của mình nhưng cũng có thể chỉ diễn lại nguyên văn câu chuyện đã thuộc lòng. GV cần tránh cách hiểu máy móc dẫn đến sai lầm là khuyến khích HS thay những từ (chốt) đã được tác giả lựa chọn rất chính xác bằng những từ ngữ khác.

Chúng ta cũng không coi việc HS kể thuộc lòng câu chuyện, kể chính xác từng câu chữ theo văn bản truyện là thiếu sáng tạo. Chỉ trong trường hợp HS kể như đọc văn bản, vừa kể vừa cố nhớ lại một cách máy móc từng câu chữ trong văn bản, GV mới nhận xét kể như thế là chưa tốt.

D - QUY TRÌNH GIẢNG DẠY (tiếp nối phần "Tập đọc")

Các bước kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới và củng cố, dặn dò được thực hiện chung với phần Tập đọc. Trong phần Kể chuyện, GV thực hiện các công việc sau :

– Giúp HS nắm vững yêu cầu của BT kể chuyện trong SGK. Trong trường hợp cần thiết, GV mời một hoặc hai HS làm mẫu một phần của BT.

– Tổ chức HS thực hiện yêu cầu của BT bằng hình thức thích hợp (kể chuyện trong nhóm, kể chuyện trước lớp, thi kể chuyện tiếp sức, phân vai dựng lại câu chuyện...).

DẠY CHÍNH TẢ

A - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Rèn luyện kĩ năng viết chính tả và kĩ năng nghe

– Viết chữ đúng mẫu, đúng chính tả, không mắc quá 5 lỗi / 1 bài trên dưới 60 chữ.

– Đạt tốc độ viết từ 4 đến 5 chữ / 1 phút.

2. Kết hợp luyện tập chính tả với việc rèn luyện cách phát âm, củng cố nghĩa từ, trau dồi về ngữ pháp tiếng Việt, góp phần phát triển một số thao tác tư duy cho HS (nhận xét, so sánh, liên tưởng, ghi nhớ,...)

3. Bồi dưỡng cho HS một số đức tính và thái độ cần thiết trong công việc như : cẩn thận, chính xác, có óc thẩm mỹ, lòng tự trọng và tinh thần trách nhiệm,...

B - NỘI DUNG DẠY HỌC VÀ CÁC HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

1. Nội dung dạy học

Nội dung dạy chính tả ở lớp 3 là luyện viết đúng các âm, vần khó, viết đúng các tên riêng (bao gồm cả tên riêng nước ngoài), các bài chính tả ngắn có nội dung gần gũi với lứa tuổi HS. Thông qua một số bài chính tả, HS còn được mở rộng vốn từ, mở rộng hiểu biết về cuộc sống.

2. Các hình thức luyện tập

a) *Chính tả đoạn, bài* (có độ dài trên dưới 60 chữ) :

- Tập chép (nhìn – viết), áp dụng trong nửa đầu học kì I.
- Nghe – viết (hình thức luyện tập chủ yếu).
- Nhớ – viết, áp dụng từ giữa học kì I.

b) *Chính tả âm, vần* : luyện viết các từ có âm, vần dễ viết sai chính tả do không nắm vững quy tắc của chữ quốc ngữ hoặc do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

Các loại BT chính tả âm, vần gồm có :

- BT bắt buộc (BT chung cho tất cả các vùng phương ngữ) : Nội dung các BT này là luyện viết phân biệt những âm, vần khó, VD : *uênh, uêch, uyu,...*

- BT lựa chọn cho từng vùng phương ngữ : Nội dung các BT này là luyện viết phân biệt các âm, vần dễ lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, VD : *l/n, tr/ch, s/x* (đối với các địa phương miền Bắc), *ang/an, a/cat, dấu hỏi/dấu ngã* (đối với các địa phương miền Nam),...

Trong SGK, số hiệu của các BT lựa chọn được đặt trong ngoặc đơn, VD : (3). Mỗi BT lựa chọn bao gồm 1, 2 hoặc 3 BT nhỏ (kí hiệu là a, b hay c), mỗi BT nhỏ dành cho một vùng phương ngữ nhất định. GV căn cứ vào đặc điểm phát âm và thực tế viết chính tả của mỗi lớp, mỗi HS địa phương mình dạy mà chọn BT nhỏ thích hợp cho các em. Trong cùng một lớp, có thể giao cho HS này BTa, HS khác BTb, tùy theo lỗi phát âm và lỗi chính tả các em thường mắc. Thậm chí, dựa theo mẫu BT trong SGK, GV có thể tự ra BT cho phù hợp với yêu cầu khắc phục lỗi chính tả và lỗi phát âm của HS ở địa phương mình. VD : BT khắc phục các lỗi lẫn lộn *hỏi/nặng, sắc/nặng, th/s, tr/t, r/g,...*

C - CÁC BIỆN PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hướng dẫn HS chuẩn bị viết chính tả

Các hoạt động chính của GV là :

a) Cho HS đọc bài chính tả sẽ viết (SGK), nắm nội dung chính của bài viết. (Với hình thức chính tả nhớ – viết, GV cho HS đọc thuộc lòng đoạn, bài sẽ viết chính tả).

b) Hướng dẫn HS nhận xét những hiện tượng chính tả trong bài (theo gợi ý của SGK và hướng dẫn của GV).

c) Luyện viết những chữ ghi tiếng khó hoặc dễ lẫn (tiếng mang vần khó, tiếng có âm, vần dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ hay thói quen,...).

2. Đọc bài chính tả cho HS viết

Với hình thức chính tả nghe – viết, các hoạt động chính của GV là :

a) *Đọc toàn bài một lượt cho HS nghe trước khi viết*

Khi đọc, GV cần phát âm rõ ràng, tốc độ vừa phải, tạo điều kiện cho HS chú ý đến những hiện tượng chính tả cần viết đúng.

b) *Đọc cho HS nghe – viết từng câu ngắn hay từng cụm từ*

Mỗi câu hoặc cụm từ được đọc 2 đến 3 lần : đọc lượt đầu chậm rãi cho HS nghe, đọc nhắc lại 1 đến 2 lần cho HS kịp viết theo tốc độ viết quy định ở lớp 3.

c) *Đọc toàn bài lần cuối cho HS soát lại*

3. Chấm và chữa bài chính tả

– Mỗi giờ Chính tả, GV chọn chấm một số bài của HS. Đối tượng được chọn chấm bài ở mỗi giờ là :

+ Những HS đến lượt được chấm bài.

+ Những HS hay mắc lỗi, cần được chú ý rèn cặp thường xuyên.

Qua chấm bài, GV có điều kiện rút ra nhận xét và nêu hướng khắc phục lỗi chính tả cho cả lớp.

– Sau khi HS viết xong, GV giúp HS tự kiểm tra và chữa lỗi trong bài theo một trong hai cách dưới đây :

+ GV đọc từng câu, có chỉ dẫn cách viết những chữ dễ sai chính tả.

+ HS đối chiếu bài viết với bài in trong SGK.

4. Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả âm, vần

a) Giúp HS nắm vững yêu cầu của BT (bảng câu hỏi, bảng lời giải thích).

b) Giúp HS chữa một phần của BT làm mẫu (một HS chữa mẫu trên bảng lớp hoặc cả lớp làm bài vào bảng con).

c) Cho HS làm bài vào bảng con hoặc vào vở. GV theo dõi uốn nắn.

d) Chữa toàn bộ BT.

D - QUY TRÌNH GIẢNG DẠY

1. Kiểm tra bài cũ : HS nghe – viết một số từ ngữ đã được luyện tập ở bài chính tả trước (hoặc GV nhận xét kết quả bài chính tả tiết trước chấm ở nhà). GV chú ý tổ chức cho cả lớp đều được làm việc (VD : một hoặc hai HS viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con).

2. Dạy bài mới

a) *Giới thiệu bài :* Nêu yêu cầu của các BT chính tả.

b) *Hướng dẫn chính tả*

Các hoạt động chính của GV :

– Gọi ý HS xác định nội dung bài chính tả (hay tập chép) và nhận xét những hiện tượng chính tả cần lưu ý trong bài (theo SGK).

– Hướng dẫn HS nhận biết (phân tích, so sánh, ghi nhớ,...) và tập viết các chữ ghi tiếng khó hoặc dễ lẫn (viết bảng).

c) *Hướng dẫn HS viết bài tập chép* (nhìn bảng, nhìn SGK), *bài nhớ – viết hoặc đọc cho HS viết bài chính tả.*

d) *Chấm, chữa bài*

– GV hướng dẫn HS tự chữa bài theo bài in trong SGK hoặc theo lời đọc và chỉ dẫn của GV.

– GV chấm một số bài, nhận xét và nêu hướng khắc phục lỗi chính tả trong bài.

e) *Hướng dẫn HS làm BT chính tả âm, vần :* làm BT bắt buộc và một trong các BT lựa chọn.

g) *Củng cố, dặn dò :* nhận xét tiết học, lưu ý những trường hợp dễ viết sai chính tả trong bài và nêu yêu cầu tiếp tục luyện tập.

DẠY TẬP VIẾT

A - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Rèn luyện kỹ năng viết chữ cho HS, trọng tâm là chữ viết hoa gọi tắt là chữ hoa.

2. Kết hợp dạy kỹ thuật viết chữ với rèn chính tả ; mở rộng vốn từ ; phát triển tư duy.

3. Góp phần rèn luyện tính cẩn thận, óc thẩm mỹ, ý thức tự trọng và tôn trọng người khác.

B - NỘI DUNG DẠY HỌC VÀ CÁC HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

1. Nội dung dạy học

Ở lớp 3, HS tiếp tục rèn luyện cách viết chữ hoa, cụ thể là :

– Viết các chữ hoa theo đúng quy định về hình dáng, kích cỡ (cỡ nhỏ) và thao tác viết.

– Biết nối các chữ hoa với chữ thường trong một tiếng.

– Biết trình bày một từ chỉ tên riêng hay một câu bằng chữ hoa và chữ thường đúng và đều nét, đúng chính tả, có khoảng cách hợp lí giữa các chữ ghi tiếng.

2. Các hình thức luyện tập

– Luyện viết từng chữ cái viết hoa

– Luyện viết tên riêng

– Luyện viết câu ứng dụng

C - CÁC BIỆN PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hướng dẫn HS viết chữ

Hoạt động chính của GV :

a) Viết mẫu và chỉ dẫn kĩ thuật viết chữ (quy trình viết, việc nối liền nét các chữ cái trong cùng một tiếng, vấn đề đặt dấu thanh, ước lượng khoảng cách,...).

b) Hướng dẫn HS thực hành luyện tập viết chữ trên bảng con, trong vở *Tập viết* (TV) (chữ hoa, từ ứng dụng (tên riêng) và câu ứng dụng).

2. Chấm và chữa bài tập viết

a) Đối chiếu với yêu cầu đề ra để đánh giá chất lượng chữ viết của HS, giúp HS thấy rõ thành công hay hạn chế trong bài tập viết.

b) Cho điểm theo quy định, nhận xét, góp ý, nêu yêu cầu cụ thể đối với HS về chữ viết.

3. Rèn nếp viết chữ rõ ràng, sạch đẹp

a) Uốn nắn tư thế ngồi viết, cách cầm bút, để vở, giữ khoảng cách giữa vở và mắt...

b) Nhắc nhở về cách trình bày, về ý thức viết chữ và giữ gìn sách vở sạch đẹp ; quan tâm đến những điều kiện cần thiết như : ánh sáng, bàn ghế, học cụ...

D - QUY TRÌNH GIẢNG DẠY

1. Kiểm tra bài cũ

HS viết chữ hoa, viết từ ngữ hay câu ứng dụng mới học (hoặc GV nhận xét bài tập viết đã chấm của HS).

2. Dạy bài mới

a) *Giới thiệu bài* : Nêu nội dung và yêu cầu của tiết dạy.

b) *Hướng dẫn HS viết trên bảng con*

- Luyện viết chữ hoa
- + HS tìm các chữ hoa có trong BT ứng dụng.
- + GV viết mẫu từng chữ, kết hợp nhắc lại cách viết cho HS.
- + HS tập viết từng chữ trên bảng con.
- HS viết từ ứng dụng (tên riêng)
- + HS đọc từ ứng dụng.
- + GV giới thiệu người hoặc địa điểm có tên riêng được viết.
- + HS tập viết trên bảng con.
- HS viết câu ứng dụng
- + HS đọc câu ứng dụng.
- + GV giúp HS hiểu nội dung của câu.
- + HS tập viết trên bảng con những tiếng có chữ hoa.

c) *Hướng dẫn HS viết vào vở TV*

- GV nêu yêu cầu.
- + Viết chữ hoa : 2 dòng cỡ nhỏ.
- + Viết tên riêng : 2 dòng cỡ nhỏ.
- + Viết câu ứng dụng : 4 dòng cỡ nhỏ.
- HS viết. GV chú ý hướng dẫn các em viết đúng nét, độ cao và khoảng cách giữa các chữ.

d) *Chấm, chữa bài*

- GV chấm nhanh khoảng 5 đến 7 bài.
- Sau đó, nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm.

e) *Củng cố, dặn dò*

- GV nhận xét về tiết học.
- Nhắc những HS chưa viết xong về nhà viết tiếp. Lưu ý : Để tạo điều kiện cho HS về nhà được nghỉ và chơi, GV không nên yêu cầu HS làm bài ở nhà. Chỉ riêng phân môn Tập viết yêu cầu HS chưa viết bài xong ở lớp về nhà viết tiếp.

DẠY LUYỆN TỪ VÀ CÂU

A - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mở rộng vốn từ theo chủ điểm, củng cố hiểu biết về các kiểu câu (thông qua các mô hình) và thành phần câu (thông qua các câu hỏi) đã học ở lớp 2.

Cung cấp cho HS một số hiểu biết sơ giản về các phép tu từ so sánh và nhân hoá (thông qua các BT).

2. Rèn luyện cho HS các kỹ năng dùng từ đặt câu và sử dụng một số dấu câu.

3. Bồi dưỡng cho HS thói quen dùng từ đúng, nói và viết thành câu ; có ý thức sử dụng tiếng Việt văn hoá trong giao tiếp và thích học tiếng Việt.

B - NỘI DUNG DẠY HỌC VÀ CÁC HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

1. Nội dung dạy học

a) Mở rộng vốn từ

Ngoài những từ được dạy qua các bài tập đọc, những thành ngữ được cung cấp qua các bài tập viết, HS được mở rộng vốn từ theo từng chủ điểm và bước đầu được làm quen với một số từ ngữ địa phương thông qua các bài tập luyện từ và câu.

b) Ôn luyện về kiểu câu và các thành phần câu

– Về kiểu câu, biết đặt các câu *Ai là gì ? (Danh là danh), Ai làm gì ? (Danh – động), Ai thế nào ? (Danh – tính)*.

– Về thành phần câu, biết đặt câu hỏi cho các bộ phận câu và mở rộng câu bằng trạng ngữ của câu, phụ ngữ của cụm từ.

c) Ôn luyện về một số dấu câu cơ bản : dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than ; học thêm dấu hai chấm.

d) Bước đầu làm quen với các biện pháp tu từ so sánh và nhân hoá

2. Các hình thức luyện tập

a) Các bài tập về từ

– Loại bài tập giúp HS mở rộng vốn từ theo chủ điểm ;

– Loại bài tập giúp HS nắm nghĩa của từ ;

– Loại bài tập giúp HS quản lí, phân loại vốn từ ;

– Loại bài tập giúp HS luyện tập sử dụng từ.

b) Các bài tập về câu

– Trả lời câu hỏi ;

– Tìm bộ phận câu trả lời câu hỏi ;

– Đặt câu hỏi cho từng bộ phận câu ;

– Đặt câu theo mẫu.

c) Các bài tập về dấu câu

– Chọn dấu câu đã cho điền vào chỗ trống ;

– Tìm dấu câu thích hợp điền vào chỗ trống ;

- Điền dấu câu đã cho vào chỗ thích hợp ;
- Ngắt câu.

d) *Các bài tập về biện pháp tu từ*

- Nhận biết biện pháp tu từ ;
- Bước đầu sử dụng biện pháp tu từ vào việc dùng từ, đặt câu.

C - CÁC BIỆN PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hướng dẫn HS làm bài tập

- GV giúp HS nắm vững yêu cầu của BT (bằng câu hỏi, bằng lời giải thích).
- GV giúp HS chữa một phần của BT để làm mẫu (một HS chữa mẫu trên bảng lớp hoặc cả lớp làm bài vào vở hay bảng con).
- GV tổ chức cho HS làm bài.
- GV tổ chức cho HS trao đổi, nhận xét về kết quả, rút ra những điểm ghi nhớ về tri thức.

2. Cung cấp cho HS một số tri thức sơ giản về từ, câu và dấu câu

Các tri thức được hình thành thông qua hệ thống BT và sẽ được tổng kết thành bài học ở những lớp trên. Đối với lớp 3, GV có thể nêu một số ý tóm lược thật ngắn gọn để HS nắm chắc bài nhưng không nên sa vào dạy lí thuyết.

D - QUY TRÌNH GIẢNG DẠY

1. Kiểm tra bài cũ : Yêu cầu HS giải các BT ở nhà hoặc nêu ngắn gọn những điều đã học ở tiết trước, cho ví dụ minh họa.

2. Dạy bài mới

a) *Giới thiệu bài* (theo gợi ý trong SGK).

b) *Hướng dẫn luyện tập*

GV tổ chức cho HS thực hiện từng BT trong SGK theo trình tự sau :

- Đọc và xác định yêu cầu của BT.
- Giải một phần BT làm mẫu.
- Làm BT theo hướng dẫn của GV.
- Trao đổi, nhận xét về kết quả. Rút ra những điểm ghi nhớ về kiến thức.

c) *Củng cố, dặn dò :* GV chốt lại những kiến thức, kĩ năng cần nắm vững ở bài luyện tập ; nêu yêu cầu thực hành luyện tập ở nhà.

DẠY TẬP LÀM VĂN

A - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Rèn luyện cho HS các kỹ năng nói, nghe, viết phục vụ cho việc học tập và giao tiếp. Cụ thể là :

– Biết dùng lời nói phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp trong sinh hoạt gia đình, trong sinh hoạt tập thể. Biết giới thiệu các thành viên, các hoạt động của tổ, của lớp.

– Nghe – hiểu nội dung lời nói, ý kiến thảo luận trong các buổi sinh hoạt. Nghe – hiểu và kể lại được nội dung các mẫu chuyện ngắn, biết nhận xét về nhân vật trong các câu chuyện.

– Biết viết đơn, viết tờ khai theo mẫu, viết một bức thư ngắn để báo tin tức, để hỏi thăm người thân hoặc kể lại một việc đã làm, biết kể lại nội dung một bức tranh đã xem, một văn bản đã học.

2. Trau dồi thái độ ứng xử có văn hoá, tinh thần trách nhiệm trong công việc ; bồi dưỡng những tình cảm lành mạnh, tốt đẹp qua nội dung bài dạy.

B - NỘI DUNG DẠY HỌC VÀ CÁC HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

1. Nội dung dạy học

a) Trang bị cho HS một số hiểu biết và kỹ năng phục vụ học tập và đời sống hàng ngày, như : điền vào các giấy tờ in sẵn, viết thư, làm đơn, tổ chức họp và phát biểu trong cuộc họp, giới thiệu hoạt động của tổ, lớp và trường, ghi chép sổ tay...

b) Tiếp tục rèn luyện kỹ năng kể chuyện và miêu tả : kể một sự việc đơn giản, tả sơ lược về người, vật xung quanh theo gợi ý bằng tranh, bằng câu hỏi.

c) Rèn luyện kỹ năng nghe thông qua các bài tập nghe – kể và các hoạt động học tập trên lớp.

2. Các kiểu bài tập

a) Bài tập nghe : nghe và kể lại một mẫu chuyện ngắn, nghe và nói lại một mẫu tin.

b) Bài tập nói :

– Tổ chức, điều khiển cuộc họp, phát biểu trong cuộc họp.

– Kể hoặc tả miệng về người thân, gia đình, trường lớp, quê hương, lễ hội, hoạt động thể thao – văn nghệ,...

c) Bài tập viết :

– Điền vào giấy tờ in sẵn.

- Viết một số giấy tờ theo mẫu.
- Viết thư.
- Ghi chép sổ tay.
- Kể hoặc tả ngắn về người thân, gia đình, trường lớp, quê hương, lễ hội, hoạt động thể thao – văn nghệ,...

C - CÁC BIỆN PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hướng dẫn HS làm bài tập

- Giúp HS nắm vững yêu cầu của BT (bằng câu hỏi, bằng lời giải thích).
- Giúp HS chữa một phần của bài tập làm mẫu (một HS chữa mẫu trên bảng lớp hoặc cả lớp làm bài vào vở hoặc *Vở bài tập Tiếng Việt 3*, (VBT)).
- Tổ chức cho HS trao đổi, nhận xét về kết quả, rút ra những điểm cần ghi nhớ về tri thức.

2. Đánh giá kết quả thực hành luyện tập ở lớp, hướng dẫn hoạt động tiếp nối (ở ngoài lớp, sau tiết học)

- Hướng dẫn HS nhận xét kết quả của bạn, tự đánh giá kết quả của bản thân trong quá trình luyện tập.
- Nêu yêu cầu, hướng dẫn HS thực hiện những hoạt động tiếp nối nhằm củng cố kết quả thực hành luyện tập ở lớp (thực hành giao tiếp ngoài lớp học, sử dụng kĩ năng đã học vào thực tế cuộc sống,...).

D - QUY TRÌNH GIẢNG DẠY

1. Kiểm tra bài cũ : HS làm lại BT ở tiết trước hoặc nhắc lại những nội dung cần ghi nhớ về kiến thức – kĩ năng ở bài học trước ; GV nhận xét kết quả chấm bài (nếu có).

2. Dạy bài mới

a) *Giới thiệu bài*

b) *Hướng dẫn làm bài :* GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng BT trong SGK dựa theo những biện pháp đã nói nhằm đạt được mục đích, yêu cầu của tiết Tập làm văn lớp 3.

c) *Củng cố, dặn dò :* Chốt lại nội dung kiến thức và kĩ năng đã học ; nêu yêu cầu những hoạt động tiếp nối,...